

Số: *528* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *18* tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;*

*Căn cứ Kết luận số 34-KL/TU ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1289/TTr-STC ngày 07 tháng 8 năm 2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị, cụ thể như sau:

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

Căn cứ nội dung của Quyết định này, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan theo nhiệm vụ được giao khẩn trương cụ thể hóa, giao kế hoạch chi tiết theo nhiệm vụ được phân cấp để triển khai thực hiện.

**Điều 2.** Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch, phương án hoạt động cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, KT, TH.

loanlth/QĐ.298/100b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục**  
**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số **528**/QĐ-UBND ngày **13**/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, tham mưu triển khai thực hiện	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	8,5	- Thống kê tỉnh Thái Nguyên chủ trì theo dõi, đánh giá - Sở Tài chính chủ trì tham mưu triển khai thực hiện	
2	GRDP bình quân đầu người/năm	Tr.đồng	116,5	- Thống kê tỉnh Thái Nguyên chủ trì theo dõi, đánh giá - Sở Tài chính chủ trì tham mưu triển khai thực hiện	
3	<b>Cơ cấu kinh tế</b>				
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	10,9	- Thống kê tỉnh Thái Nguyên chủ trì theo dõi, đánh giá - Các Sở, ban, ngành tham mưu triển khai thực hiện theo ngành, lĩnh vực quản lý	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	53,8		
-	Dịch vụ	%	35,3		
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%			
4	Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN tăng	%	10	Sở Công Thương	
5	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng	%	4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Giá trị xuất khẩu tăng	%	9	Sở Công Thương	
	Trong đó xuất khẩu địa phương tăng	%	7		
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	24.735	Sở Tài chính	
8	<b>Chỉ tiêu về lao động, việc làm</b>				
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71	Sở Nội vụ	
+	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	36,2		
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	%	<3		
-	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	45		
9	<b>Chỉ tiêu y tế</b>				
-	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,0	Sở Y tế	
-	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95		
10	<b>Giáo dục đào tạo</b>				
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	79,93	Sở Giáo dục và Đào tạo	
-	Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú	%	7,45		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, tham mưu triển khai thực hiện	Ghi chú
<b>11</b>	<b>Chỉ tiêu văn hóa</b>				
-	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	≥ 90	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
-	Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố văn hóa	%	≥ 90		
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	≥ 92		
<b>12</b>	<b>Chỉ tiêu giảm nghèo</b>				
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	≥ 0,8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
<b>13</b>	<b>Chỉ tiêu về môi trường</b>				
-	Ổn định tỷ lệ che phủ rừng	%	60	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98		